TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 208/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 27 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 66, phố Xã Tắc, tổ dân phố 04, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 66, phố Xã Tắc, tổ dân phố 04, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đức T (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2015, Quyển số: 01/2015, ngày 29/01/2015 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* + Giao cháu Phạm Bảo D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016 cho anh Phạm Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Phạm Bảo K, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đức T đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đức T đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*: + Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000053, ngày 03 tháng 7 năm 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Phạm Đức T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Tân Quang (nơi đăng ký KH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn